**BÀI DỰ THI**

**CUỘC THI “TÌM HIỂU BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015”**

**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-BTC ngày 16/5/2018 của Ban Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ Luật Hình sự năm 2015” thành phố Hà Nội )*

Họ và tên: *Ghi rõ họ tên*

Giới tính: **.....**

Ngày, tháng, năm sinh:  **..........**

Số CMND hoặc Số căn cước công dân:

Do Công an………. Cấp ngày **:**

Đơn vị công tác:…**…………….**

Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú: **……………………..**

Số điện thoại:.

**Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm**

*(Thí sinh khoanh tròn câu trả lời đúng)*

**1.Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?**

1. Từ ngày 01/07/2016
2. Từ ngày 01/7/2017
3. Từ ngày 01/01/2018

**2. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự ?**

a) Cá nhân

b) Pháp nhân

c) Pháp nhân thương mại

**3. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 ?**

a) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

b) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

c) Đối với người tái phạm, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

d) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật Hình sự quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

đ) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

**4. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người từ đủ độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm hình sự?**

a) Người từ đủ 16 tuổi trở lên

b) Người từ đủ 14 tuổi trở lên

c) Người từ đủ 18 tuổi trở lên

**5. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thuộc các tội nào sau đây?**

a) Tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

b) Tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản

c) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, tội mua bán trái phép chất ma túy

d) Tội tổ chức đua xe trái phép, tội đua xe trái phép

e) Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

f) Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt

**6. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội nào thì phải chịu trách nhiệm hình sự?**

a) Tội giết người hoặc tội cướp tài sản

b) Tội trộm cắp tài sản

c) Tội gây rối trật tự công cộng

**7. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có điều kiện nào sau đây?**

a) Phạm tội lần đầu

b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt

c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù

d) Có nơi cư trú rõ ràng

e) Khi có đủ tất cả các điều kiện tại điểm a, b, c, d nêu trên

**8. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?**

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vố ý.

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.

**9. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt hay không?**

1. Có
2. Không

**10. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thì có được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm hay không?**

a) Có

b) Không

**11. Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

a) Có

1. Không

**12. Người che giấu tội phạm (*người không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội*) là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp nào sau đây?**

a) Phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm đối với hành vi che giấu thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm khi thuộc trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**13. Ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác thì có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm hay không?**

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với hành vi không tố giác thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự.

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**14. Trường hợp nào sau đây không được loại trừ trách nhiệm hình sự?**

a) Sự kiện bất ngờ

b) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự

c) Phòng vệ chính đáng

d) Tình thế cấp thiết

e) Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội

f) Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ

g) Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên.

h) Vô ý phạm tội

**15. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào sau đây?**

a) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận hoặc người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

b) Người phạm tội là phụ nữ có thai.

c) Người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

**16. Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt chính ?**

a) Cảnh cáo

b) Phạt tiền

c) Cải tạo không giam giữ

d) Trục xuất

đ) Tù có thời hạn

e) Tù chung thân

g) Tử hình

h) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

**17.Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt bổ sung?**

a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

b) Cấm cư trú

c) Quản chế

d) Khiển trách

e) Tước một số quyền công dân

g) Tịch thu tài sản

**18. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?**

a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.

b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.

c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.

d) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

đ) Người phạm tội tự thú.

e) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

g) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.

h) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.

i) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.

**19. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ?**

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội có tính chất côn đồ;

c) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;

d) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;

đ) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên;

e) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;

g) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội;

h) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;

i) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm;

k) Người phạm tội là người có bệnh

**20. So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung thêm trường hợp nào sau đây không phải thi hành án tử hình với người bị kết án?**

a) Người đủ 75 tuổi trở lên; Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại một phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

**Câu 21. Khoản 1 Điều 108 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định công dân Việt Nam câu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình

b) Từ 10 năm đến 15 năm

c) Từ 7 năm đến 10 năm

**Câu 22. Khoản 1 Điều 117 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người có hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

1. Từ 05 năm đến 7 năm
2. Từ 05 năm đến 12 năm
3. Từ 10 năm đến 12 năm

**Câu 23. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người giết 02 người hoặc giết người dưới 16 tuổi hoặc giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình thì thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình

b) Từ 10 năm đến 15 năm

c) Từ 7 năm đến 10 năm

**Câu 24. Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

1. Từ 3 năm đến 7 năm.
2. Từ 3 năm đến 10 năm.
3. Từ 1 năm đến 5 năm.

**Câu 25. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam hoặc các chất ma túy ở thể lỏng có thể tích từ 10mililit đến dưới 100 mililít không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

a) Từ 2 năm đến 7 năm

b) Từ 1 năm đến 5 năm

c) Từ 2 năm đến 5 năm

**Câu 26. Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội làm nhục người khác với hành vi sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?**

a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

b) Phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

**Câu 27. Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định** **người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?**

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

b) Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

**Câu 28. Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ sẽ bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 01 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?**

a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên mà còn vi phạm.

b) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát.

c) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng mà vẫn duy trì quan hệ đó.

**Câu 29. Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?**

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

b) Làm chết 02 người.

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thươngcơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

**Câu 30. Khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?**

1. Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm
2. Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.
3. Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm

**Phần II. Câu hỏi lý thuyết**

**Câu 1. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định những trường hợp nào được loại trừ trách nhiệm hình sự ? Phân tích những điểm mới so với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự?**

***Trả lời:***

***a)Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được quy định tại Chương 4 của Bộ luật Hình sự năm 2015 bao gồm:***

**Điều 20. Sự kiện bất ngờ**

Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Điều 21. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự**

Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Điều 22. Phòng vệ chính đáng**

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

1. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

**Điều 23. Tình thế cấp thiết**

1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

1. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Điều 24. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội**

1. Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm.
2. Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Điều 25. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ**

Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm.

Người nào không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Điều 26. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên**

Người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự.

Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 421 (Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược), khoản 2 Điều 422 (Tội chống loài người) và khoản 2 Điều 423 (Tội phạm chiến tranh) của Bộ luật Hình sự.

***b)So với Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có một số điểm mới như sau:***

+ Kết cấu thành một chương riêng trong Bộ luật Hình sự về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

+ Bổ sung 03 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội; Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên.

+ Thay đổi trong cách xây dựng các khái niệm: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết.

**Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng , con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

***Trả lời:***

**Thế nào là tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình?**

Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình được quy định tại Điều 185 [Bộ Luật hình sự 2015](http://tongdaituvanluat.vn/bo-luat-tung-hinh-su-1012015qh13-ngay-27112015/):

“1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;

b) Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.”

**Theo đó,**

Ngược đãi ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình, được hiểu là sự đối xử tồi tệ về mọi mặt đối với ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, hoặc người có công nuôi dưỡng mình một cách thường xuyên.

Hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, được hiểu là việc đốĩ xử một cách tàn ác với ông bà, cha mẹ, vợ chổng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình mọt cách thường xuyên.

**2.  Tư vấn và bình luận về tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình theo quy định của Bộ luật hình sự 2015.**

**Các yếu tố cấu thành tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình**

**–  Mặt khách quan của tội này có các dấu hiệu sau:**

+ Về hành vi. Có một trong các hành vi sau:

– Đối với tội ngược đãi nghiêm trọng ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng, mặt khách quan được thể hiện qua các dấu hiệu sau đây:

Có hành vi đối xử tồi tệ về mọi mặt đối với người bị hại như:

+ Về ăn uống: Cho ăn một cách bẩn thỉu (các vật dụng như bát đũa và thức ăn. trong tình trạng mất vệ sinh và thiếu thốn. Ví dụ: chỉ đổ cơm nguội vào đĩa, bát bẩn thỉu cho ăn mà không có đũa, thìa).

+ Về chỗ ở: Xếp cho ở nơi hết sức tồi tàn thậm chí không có chăn, màn, giường, chiếu.

+ Về mặc: Cho mặc rách rưới, thiếu vệ sinh.

+ Về sinh hoạt khác: Không cho tắm rửa thường xuyên.

**Lưu ý:**

Việc đối xử như nêu trên phải được thể hiện một cách rõ ràng trái ngược so với điều kiện sống của gia đình họ (như có đầy đủ chỗ ở tốt nhưng lại đưa ra cho ở chuồng ngựa…). Hành vi nói trên phải ở mức độ được xem là nghiêm trọng, nghĩa là hành vi đó phải diễn ra thường xuyên có hệ thông làm cho người bị hại luôn bị dày vò, khủng hoảng, đau đớn về thể xác, tinh thần, từ đó ảnh hưởng đến sức khoẻ.

Về người bị hại cần chú ý:

+ Ông bà: Gồm cả ông bà nội, ông bà ngoại.

+ Cha mẹ: Bao gồm cả cha, mẹ đẻ và cha nuôi, mẹ nuôi và cả cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng.

+ Con: Gồm cả con đẻ, con nuôi, con riêng của chồng hoặc của vợ (kể cả con ngoài giá thú).

+ Vợ chồng: Gồm vợ chồng có kết hôn hợp pháp hoặc là trường hợp được xác định là hôn nhân thực tế.

+ Cháu: Bao gồm cháu nội, cháu ngoại của người phạm tội, cháu gọi người phạm tội bằng cô, chú, bác, dì, cậu.

+ Người có công nuôi dưỡng: là ngưòi không có các mối quan hệ như nêu trên với người phạm tội, nhưng đã có công nuôi nấng người phạm tội.

– **Đối với tội hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng, mặt khách quan được thể hiện qua dấu hiệu sau đây:**

Có hành vi đối xử tàn ác đối với người bị hại như đánh đập, giam hãm, không cho ra khỏi nhà, bắt nhịn ăn… có thể kèm theo việc chửi mắng thậm tệ làm cho họ bị đau đớn về thể xác lẫn tinh thần.

**Tuy nhiên**, việc đối xử tàn ác không chủ ý gây thương tích hoặc chỉ gây thương tích nhẹ chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự (nếu hành vi gây thương tích đến mức độ nhất định đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về [tội cố ý gây thương tích](http://tongdaituvanluat.vn/nao-la-toi-co-y-gay-thuong-tich-hoac-gay-ton-hai-cho-suc-khoe-cua-nguoi-khac/)).

+ Dấu hiệu khác

– Hành vi nêu trên phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc thuộc trường hợp đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội này.

– Gây hậu quả nghiêm trọng có thể là làm cho người bị hại đau khổ tự sát hoặc suy kiệt sức khoẻ nghiêm trọng, gây dư luận bất bình trong nhân dân.

**Lưu ý:**

– Trường hợp chưa được công nhận là hôn nhân hợp pháp, thì hành vi ngược đãi, hành hạ giữa với nhau, giữa cha mẹ với con cái đều không là chủ thể của tội này mà tuỳ từng trường hợp có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội tương ứng.

Ví dụ: [Tội hành hạ người khác](http://tongdaituvanluat.vn/binh-luan-ve-toi-hanh-ha-nguoi-khac-theo-bo-luat-hinh-su-2015/); [tội làm nhục người khác](http://tongdaituvanluat.vn/nao-la-toi-lam-nhuc-nguoi-khac/). Bởi vì theo chúng tôi, đối tượng tác động của tội phạm này, không những xuất phát từ quan hệ huyết thông mà còn xuất phát từ quan hệ hôn nhân hợp pháp, bởi vì khách thể loại của tội này là xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.

Trong trường hợp đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì chỉ cần người có hành vi vi phạm đúng với hành vi mà trước đó họ đã vi phạm và bị xử phạt hành chính thì được xem là tội phạm hoàn thành. Đối với cấu thành tội phạm đòi hỏi phải gây hậu quả nghiêm trọng thì tội phạm hoàn thành kể từ khi hậu quả nghiêm trọng đã xảy ra. Nếu hậu quả nghiêm trọng chưa xảy ra thì không cấu thành tội này.

–  **Khách thể**

Cả hai tội phạm nêu trên xâm phạm đến quan hệ gia đình, xâm phạm thuần phong, mỹ tục trong quan hệ gia đình truyền thông ngoài ra còn xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sức khoẻ của người bị hại.

**–  Mặt chủ quan**

Người phạm tội thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

–  **Chủ thể**

Chủ thể của hai tội phạm nói trên là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, đồng thời phải là người có quan hệ hôn nhân (vợ, chồng) hoặc quan hệ gia đình (cha mẹ, con, cháu) hoặc quan hệ nuôi dưỡng đối với ngưòi bị hại.

**– Về hình phạt**

**+**Khung 1 (khoản 1)

Phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm đối với những hành vi:

a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

+ Khung 2 (khoản 2)

Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm với những hành vi:

a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;

b) Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

**Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

***Trả lời:***

Được quy định tại điều 134 BLHS 2015, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được cấu tạo thành 7 khoản. Trong đó khoản 1 quy định cấu thành cơ bản đối với tội danh này, các khoản 2,3,4,5,6 quy định cấu thành tăng nặng cho người thực hiện hành vi. Khoản 7 quy định về các hình phạt bổ sung cần thiết để áp dụng. Mức cao nhất của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại khoản 6 điều 134 BLHS 2015 là tù chung thân.

1. Về phía người phạm tội

**a.Hành vi phạm tội**

Người phạm tội  phải có hành vi tác động đến thân thể của người khác làm cho người này bị thương, bị tổn hại đến sức khoẻ như: đâm, chém, đấm đá, đốt cháy, đầu độc v.v… Hành vi này về hình thức cũng giống hành vi của tội giết người, nhưng tính chất và mức độ nguy hiểm thấp hơn nên nó chỉ làm cho nạn nhân bị thương hoặc bị tổn hại đến sức khoẻ chứ không làm cho nạn nhân bị chết.

Hành vi của người phạm tội được thực hiện do cố ý, tức là nhận thức rõ hành vi của mình nhất định hoặc có thể gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khoẻ của người khác; mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra. so với tội giết người, thì sự cố ý trong trường hợp gây thương tích mức độ nguy hiểm có thấp hơn, vì người phạm tội chỉ mong muốn hoặc để mặc cho nạn nhân bị thương, bị tổn hại đến sức khoẻ chứ không mong muốn nạn nhân chết.

**b.Hậu quả và mối quan hệ nhân quả**

Hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải gây ra hậu quả là thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho nạn nhân. Thương tích phải được đánh giá một cách kỹ càng trong mọi trường hợp thông qua giám định của hội đồng giám định y khoa, trường hợp có mâu thuẫn cần tổ chức giám định lại bởi đây là căn cứ đặc biệt quan trọng khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội này.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là tội có cấu thành vật chất, tức là phải có thương tích trên thực tế thì người thực hiện hành vi mới có khả năng bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi cố ý gây thương tích thể hiện dưới dạng hành động chứ ít khi xảy ra dưới dạng không hành động và hành vi này là nguyên nhân cơ bản, trực tiếp nhất gây ra thương tích cho người bị hại. Hai yếu tố về nguyên nhân và hậu quả phải được gắn bó chặt chẽ với nhau trong chuỗi diễn ra của tội phạm và không thể tách rời để định tội danh và quyết định hình phạt.

1. **Về phía nạn nhân**

Nạn nhân phải bị thương tích hoặc bị tổn thương đến sức khoẻ ở mức đáng kể. Nếu thương tích không đáng kể thì chưa phải là tội phạm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, thì người bị thương tích hoặc bị tổn hại đến sức khỏe phải có tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp tại khoản 1 điều này thì người phạm tội mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ để xác định tỉ lệ thương tật là kết luận của Hội đồng giám định y khoa. Như vậy dù trên 11% hay dưới 11% thì yêu cầu cơ bản nhất là phải có thương tích hoặc tổn hại đến sức khỏe nạn nhân mới có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội này.

1. Các trường hợp phạm tội và hình phạt

**a.Phạm tội theo khung cấu thành cơ bản**

Theo quy định tại khoản 1 điều 134 BLHS 2015, phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Các trường hợp đó cụ thể là:

a)Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho từ 02 người trở lên: Được hiểu là dùng các vật nhọn, sắc, có tính sát thương và gây nguy hiểm cao cho nạn nhân hoặc sử dụng các thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người như dùng bom xăng…

b) Dùng a-xít sunfuric (H2SO4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: So với BLHS 1999 thì BLHS 2015 quy định thêm đây một trong các tình tiết tăng nặng TNHS, đặc biệt quy định a-xít sunfuric, tức là một loại a-xít thông dụng và thường được sử dụng trong việc tấn công đối với tội phạm này.

c) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân: Là hậu quả từ hành vi phạm tội gây ra, cố tật nhẹ là một tật trên cơ thể con người không bao giờ chữa khỏi. Cố tật nhẹ là tật không chữa khỏi, nhưng tỷ lệ thương tích chỉ dưới 11%.

d) Phạm tội 02 lần trở lên: Là trường hợp phạm tội với nhiều lần, cho thấy tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

đ) Phạm tội đối với 02 người trở lên: Là trường hợp phạm tội với nhiều người, cho thấy tính nguy hiểm của công cụ, thủ đoạn mà đối tượng thực hiện hành vi có khả năng tác động và gây thương tích, tổn hại sức khỏe cho nhiều người.

e) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ: Là những đối tượng yếu thế được pháp luật bảo vệ.Tương quan về sức lực cũng như khả năng có thể bị tổn thương nhiều hơn so với người bình thường nếu bị hành vi phạm tội tác động vào

g) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng mình, thầy giáo, cô giáo của mình: Là những người có quan hệ ruột thịt hoặc nuôi dưỡng, dạy dỗ đối với người thực hiện hành vi. Quy định này đề cao giá trị đạo đức trong xã hội trước hành vi phạm tội.

h) Có tổ chức: Là trường hợp có từ 02 người trở lên, bàn bạc, cấu kết để cùng thực hiện hành vi.

i) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là hành vi cố ý gây thương tích của những người có chức vụ, quyền hạn nhưng không liên quan đến công vụ của người đó.

k) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc: Đây là những đối tượng bị kiểm soát và đang chấp hành án hình sự hoặc hành chính và cần có thái độ tôn trọng pháp luật một cách cao nhất.

l) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe do được thuê: Người thuê và người được thuê gây thương tích cho người khác đều được coi là nghiêm trọng hơn trường hợp gây thương tích bình thường, nên người bị hại chỉ bị thương tích hoặc tổn hại đến sức khỏe dưới 11% thì người phạm tội đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

m) Có tính chất côn đồ: Là thái độ coi thường, bất chấp pháp luật của những người thực hiện hành vi phạm tội.

n) Tái phạm nguy hiểm: Căn cứ theo khoản 2 điều 53 BLHS 2015 để xác định.

o) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân: Trong trường hợp phạm tội này người phạm tội gây thương tích cho nạn nhân là để cản trở việc thi hành công vụ của họ hoặc vì lý do công vụ của người khác mà gây ra thương tích.

b. Phạm tội theo cấu thành tăng nặng tại khoản 2

Khoản 2 dùng tỉ lệ thương tật để xác định khung hình phạt tăng nặng. Theo đó, tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

c.Phạm tội theo cấu thành tăng nặng tại khoản 3

Khoản 3 dùng tỉ lệ thương tật để xác định khung hình phạt tăng nặng. Theo đó, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ 04 năm đến 07 năm.

d.Phạm tội theo cấu thành tăng nặng tại khoản 4

Khoản 4 dùng tỉ lệ thương tật để xác định khung hình phạt tăng nặng. Theo đó, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.

e.Phạm tội theo cấu thành tăng nặng tại khoản 5

Khoản 5 dùng tỉ lệ thương tật để xác định khung hình phạt tăng nặng. Theo đó, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều này hoặc dẫn đến chết người, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

f.Phạm tội theo cấu thành tăng nặng tại khoản 6

Khoản 6 dùng tỉ lệ thương tật và các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác để xác định khung hình phạt tăng nặng. Theo đó, Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau:  Làm chết 02 người trở lên;  Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; Gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

g.Chuẩn bị phạm tội

BLHS 2015 cũng quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích, theo đó: Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

**Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội tham ô tài sản quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

***Trả lời:***

### Tội tham ô tài sản được quy định, hướng dẫn tại Điều 353 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015, cụ thể như sau:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:  
a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;  
b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.  
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:  
a) Có tổ chức;  
b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;  
c) Phạm tội 02 lần trở lên;  
d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;  
đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;  
e) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đến dưới 3.000.000.000 đồng;  
g) Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức.  
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:  
a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;  
b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;  
c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;  
d) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.  
4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:  
a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;  
b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.  
5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.  
6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

**Phần III. Câu hỏi Tự luận**

**Câu hỏi. Trình bày và phân tích những nội dung mới cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015 thể hiện việc đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân? Bạn tâm đắc nhất nội dung mới nào và vì sao?**

***Trả lời:***

### Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 (sau đây gọi là BLHS năm 2015) có nhiều quy định mới tôn trọng, bảo đảm thực thi các quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng theo tinh thần: *Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm.*

|  |
| --- |
| Để triển khai, thi hành và xây dựng văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về án treo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, mới đây, Tòa án nhân dân (TAND) tối cao đề nghị các tòa án tổng kết thực tiễn thi hành Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 6-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo (gọi tắt Nghị quyết số 01).  Thực tiễn xét xử hơn ba năm qua cho thấy, việc áp dụng các quy định của pháp luật về án treo, trong đó có Nghị quyết 01đã phát huy hiệu quả trong công tác cải tạo, giáo dục người phạm tội nói riêng, đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Từ góc nhìn của các cơ quan hữu quan, nhiều trường hợp cho hưởng án treo nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân.  Theo số liệu thống kê do Vụ Tổng hợp TAND tối cao, từ 1-10-2014 đến ngày 30-9-2017, trong cả nước, số bị cáo được tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo là 57.537; tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo là 6.254 bị cáo. Số bị cáo được tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo có xu hướng giảm dần qua các năm, cụ thể: năm 2016 giảm 3.007 bị cáo (giảm 14%) so với năm 2015; năm 2017 giảm 799 bị cáo (giảm 4,33%) so với năm 2016.  Mặc dù TAND tối cao đã ban hành nghị quyết nói trên và nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng chế định án treo, nhưng thực tiễn áp dụng tại nhiều nơi vẫn gặp không ít khó khăn, vướng mắc, dẫn đến áp dụng thiếu thống nhất.  Tại hội thảo tổng kết thực tiễn thi hành Nghị quyết số 01 mới đây do TAND tối cao tổ chức, nhiều ý kiến tham luận nêu các vướng mắc trong những nội dung hướng dẫn về điều kiện cho hưởng án treo. Đơn cử, theo quy định tại Điều 2 nghị quyết này, sẽ không cho hưởng án treo khi xét xử bị cáo về nhiều hành vi trong cùng một tội và bị xét xử nhiều hành vi ở nhiều tội. Thực tế có trường hợp bị cáo nữ đang mang thai, đi trộm cắp tài sản nhiều lần, một lần ba triệu đồng, một lần bốn triệu đồng, bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Như thế bị cáo không được hưởng án treo, trong khi hành vi của bị cáo không thật sự nghiêm trọng.  Điểm đ, khoản 1, điều 2 của Nghị quyết số 01 hướng dẫn: “Có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt họ đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm về tham nhũng”. Nhiều chuyên gia cho rằng: Nội dung hướng dẫn này có thể được hiểu là đối với những người phạm tội tham nhũng thì việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến công tác phòng, chống tội phạm.  Quy định “đặc biệt là các tội phạm về tham nhũng” gây khó hiểu cho người áp dụng. Đây là yếu tố mang tính chất định tính, rất khó áp dụng trong thực tiễn. Trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự, hầu như hồ sơ vụ án không thể thu thập tài liệu chứng minh được rằng nếu không bắt bị can, bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm...  Để chính sách hình sự phù hợp với thực tiễn thi hành pháp luật, bảo đảm việc áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về án treo thống nhất trên toàn quốc, phù hợp điều kiện, tình hình thực tiễn, các tòa án đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01 chung quanh các vấn đề vướng mắc được quan tâm hiện nay: các điều kiện cho hưởng án treo; những trường hợp không cho hưởng án treo; việc cho hưởng án treo đối với bị cáo đang bị tạm giam, cách tính thời gian thử thách và một số nội dung khác. |